

Số: 219/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề cương Đề án Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Thực hiện Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh: số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương; số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Căn cứ Chương trình số 13/CTr-UBND ngày 10/01/2018 của UBND tỉnh về Triển khai nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 4/6/2018 của UBND tỉnh về Triển khai Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 687/SNV-CCHC ngày 15/6/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương Đề án Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 (có Đề cương Đề án kèm theo).

**Điều 2.** Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Đề cương được phê duyệt tại Quyết định này kịp thời xây dựng và hoàn thiện Đề án báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hà Tĩnh;
- CVP, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm HCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
DÂN CHỦ TỊCH  
  
Đặng Quốc Khánh

Hà Tĩnh, ngày 16 tháng 7 năm 2018

## ĐỀ CƯƠNG ĐỀ ÁN

**Đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh)

### Phần Mở Đầu

#### I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nêu ý nghĩa, vai trò của cải cách hành chính (CCHC) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng về các nội dung của CCHC, nhất là những nội dung cải cách trọng tâm có tính đột phá trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá khái quát, nhận định ưu điểm, tồn tại về CCHC, các chỉ số của tỉnh, như: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

Từ những lý do nêu trên, để đẩy mạnh công tác CCHC của tỉnh một cách đồng bộ, toàn diện, tạo ra sự chuyển biến rõ nét về CCHC, UBND tỉnh xây dựng Đề án Đẩy mạnh CCHC nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 trình BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực này.

#### II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản của Trung ương

2. Văn bản của tỉnh

#### III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN:

1. Đối tượng thực hiện Đề án

- Các sở; ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh;
- Các tổ chức hội đặc thù cấp tỉnh;

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

## **2. Phạm vi của Đề án**

Đề án này tập trung vào 04 nội dung trọng tâm, có tính đột phá về cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đó là:

- Cải cách tổ chức bộ máy;
- Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;
- Cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;
- Hiện đại hóa nền hành chính và xây dựng chính quyền điện tử.

## **Phần Thứ Nhất THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CCHC CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2011-2017**

### **I. Kết quả đạt được trên các lĩnh vực của CCHC**

#### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC:**

- Ban hành các văn bản ở cấp tỉnh nhằm cụ thể hóa các văn bản Trung ương và ban hành các văn bản riêng theo đặc thù của tỉnh.
- Công tác tổ chức triển khai, thực hiện.
- Công tác tuyên truyền CCHC.
- Công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện CCHC và thanh tra công vụ. Việc đánh giá, xếp loại thực hiện CCHC hàng năm đối với các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết.

#### **2. Kết quả cụ thể trên từng lĩnh vực của CCHC:**

##### **2.1. Về cải cách thể chế:**

- 2.1.1. Kết quả xây dựng, ban hành các văn bản Quy phạm pháp luật (QPPL) của tỉnh
- 2.1.2. Kết quả công tác kiểm tra, rà soát, sửa đổi, hệ thống hóa văn bản QPPL.
- 2.1.3. Kết quả tổ chức thực hiện văn bản QPPL của tỉnh.
- 2.1.4. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả của việc ban hành văn bản QPPL

##### **2.2. Về cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:**

###### **2.2.1. Cải cách TTHC:**

- Rà soát, đơn giản hóa TTHC, nhất là những TTHC liên quan đến doanh nghiệp, người dân để kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ

sung, bãi bỏ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC.

- Việc cập nhật, công bố, niêm yết, công khai TTHC.

2.2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

- Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị, mức độ hiện đại hoá, tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

- Đánh giá việc thực hiện các quy định về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông nhằm tạo thuận lợi cho tổ chức, công dân trong quá trình giải quyết TTHC.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước.

**2.3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính-nhà-nước:**

2.3.1. Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ.

2.3.2. Kết quả thực hiện về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức.

2.3.3. Kết quả sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án và tổ chức Hội theo Nghị quyết 26 và Kết luận số 05-KL/TU ngày 29/6/2016 của BTV Tỉnh ủy.

2.3.4. Kết quả sắp xếp thôn, xóm, tổ dân phố theo Chỉ thị số 09-CT/UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh.

2.3.5. Kết quả bước đầu thực hiện các Nghị quyết hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, gồm: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

**2.4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:**

2.4.1. Việc thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4.2. Công tác tuyển dụng và bố trí cán bộ, công chức, viên chức, những đổi mới trong tuyển dụng công chức, viên chức. Việc ban hành các chính sách trong công tác tuyển dụng, đào tạo.

2.4.3. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm (kể cả thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý) đối với cán bộ, công chức, viên chức.



2.4.4. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.4.5. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

\* Đánh giá chung về chất lượng đội ngũ CBCCVC

## **2.5. Về cải cách tài chính công:**

2.5.1. Việc triển khai, thực hiện các chính sách, chế độ về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công theo chỉ đạo của Trung ương, Bộ Tài chính.

2.5.2. Kết quả thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.5.3. Kết quả thực hiện giao quyền tự chủ gắn liền với việc giao dự toán thu chi ngân sách đối với các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá khả năng cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập.

## **2.6. Về hiện đại hóa nền hành chính:**

2.6.1. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

2.6.1. Kết quả ứng dụng CNTT trong giao dịch, trao đổi giữa cơ quan quản lý nhà nước với người dân, doanh nghiệp, trong việc cung cấp dịch vụ công

2.6.3. Kết quả thực hiện việc áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính.

## **3. Thực trạng đánh giá chỉ số CCHC của tỉnh giai đoạn 2012-2017**

Đánh giá, phân tích làm rõ điểm số những lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần chủ yếu tăng hay giảm, so sánh qua từng năm của chỉ số CCHC giai đoạn 2012-2017.

## **II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của công tác CCHC tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2017**

### **1. Tồn tại, hạn chế:**

Chỉ rõ những tồn tại, hạn chế trên từng lĩnh vực CCHC, đặc biệt tập trung sâu vào các nội dung trọng tâm trong phạm vi nghiên cứu của Đề án (Cải cách tổ chức bộ máy; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hiện đại hóa nền hành chính và xây dựng chính quyền điện tử).

### **2. Nguyên nhân:**

2.1. Nguyên nhân khách quan

2.2. Nguyên nhân chủ quan

### III. Bài học kinh nghiệm

#### Phần Thứ Hai

### QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN NỘI DUNG ĐỀ ÁN ĐẾN NĂM 2025

#### I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

##### 1. Quan điểm:

- CCHC phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng; phải được thực hiện với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, đặc biệt vai trò người đứng đầu ở các đơn vị, địa phương trong tình thế phục vụ tốt nhất vì sự hài lòng của từng tổ chức và người dân.

- Thực hiện CCHC phải toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, nhất là việc lựa chọn các nội dung đột phá phù hợp với từng thời điểm, điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh Hà Tĩnh.

##### 2. Mục tiêu chung:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về CCHC, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên trong triển khai, thực hiện các nội dung trọng tâm CCHC trên địa bàn tỉnh nhằm tạo chuyển biến căn bản trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị về CCHC.

- Tập trung tiến hành công tác CCHC tổng thể, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, trong đó tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước tinh gọn từ bên trong gắn với tinh giản biên chế; cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Tập trung cải cách TTHC, đảm bảo tính công khai, minh bạch, giảm thiểu thành phần hồ sơ, thời gian, chi phí tuân thủ TTHC gắn với thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp, sự nghiệp phát triển của tỉnh và hội nhập quốc tế.

##### 3. Mục tiêu cụ thể:

Tập trung vào 04 lĩnh vực xác định trọng tâm có tính đột phá đến năm 2025 cụ thể như sau:

3.1. Về cải cách tổ chức bộ máy: Chia làm 02 giai đoạn

*\* Giai đoạn từ nay đến năm 2021:*

- Đối với cơ quan, tổ chức hành chính:

+ Mỗi sở, ban, ngành giảm tối thiểu 1- 2 phòng chuyên môn hoặc tổ chức tương đương (dự kiến giảm tối thiểu 15/150 phòng);

+ UBND các huyện, thành phố, thị xã giảm từ 1 - 2 phòng chuyên môn trực thuộc (dự kiến giảm tối thiểu 13/155 phòng);

+ Giảm 255/2.586 biên chế hành chính so với chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2015.

+ Sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên và giảm số lượng thôn, tổ dân phố.

- Đối với đơn vị sự nghiệp:

+ Giảm khoảng 10% đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn tỉnh, dự kiến giảm 92/918 đơn vị;

+ Giảm 3.268 biên chế/29.166 biên chế sự nghiệp so với năm 2015.

+ Có 10% đơn vị tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính so với giai đoạn 2011 - 2015. Hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp. Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

*\* Giai đoạn từ 2021 đến 2025:*

- Tiếp tục giảm khoảng 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021, dự kiến 83 đơn vị và 10% biên chế sự nghiệp. Phần đầu có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính. 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2021.

- Tiếp tục sắp xếp, thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

3.2. Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Đến năm 2025, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý, trình độ và năng lực thi hành công vụ, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo đảm sự chuyên giao thế hệ cán bộ một cách vững vàng. Thực hiện tinh giản biên chế hiệu quả để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC, đến năm 2021, giảm tối thiểu 10% trên tổng biên chế được giao năm 2015.

- 100% các cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu cán bộ, công chức phù hợp theo vị trí việc làm, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh và khung năng lực theo quy định.

- Từ 10 - 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, từ 20 - 25% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; từ 15 - 20% cán bộ

lãnh đạo chủ chốt cấp huyện dưới 40 tuổi. Trên 95% cán bộ chuyên trách cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác. Phải có cán bộ nữ trong cơ cấu lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành. Tỷ lệ nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đạt trên 30%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính theo quy định của trung ương, của tỉnh.

- Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức phải thực chất, có định lượng, theo “sản phẩm công việc”; 80% cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ hàng năm. Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút người có tài năng, nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của Chính phủ, của UBND tỉnh.

### 3.3. Về cải cách TTHC gắn với cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

- TTHC được cải cách cơ bản theo hướng đơn giản, giảm chi phí, thời gian cho cá nhân, tổ chức khi giải quyết TTHC; 100% các TTHC của các cấp, các ngành được công khai thống nhất trên môi trường Internet; 100% các TTHC được rà soát hàng năm nhất là các TTHC có thành phần hồ sơ phức tạp, thời gian giải quyết TTHC dài; 100% TTHC liên thông được phân kỳ thời gian giải quyết.

- 100% thủ tục hành chính (trừ các TTHC đặc thù) được đưa vào tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã; 100% các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện đúng quy định TTHC và thời gian giải quyết các TTHC đã được công bố, công khai.

- Mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về TTHC đạt mức trên 80% vào năm 2020; đạt trên 90% vào năm 2025.

- Triển khai ứng dụng đồng bộ và hiệu quả Hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã. Nâng cao hiệu quả hoạt động các Trung tâm Hành chính công tỉnh, cấp huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.

### 3.4. Về hiện đại hóa nền hành chính:

- Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử theo kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- 100% các cơ quan hành chính nhà nước ứng dụng hiệu quả phần mềm quản lý hồ sơ công việc, điều hành tác nghiệp, gửi nhận văn bản và chữ ký số từ cấp tỉnh đến cấp xã, phần đầu 100% văn bản (trừ văn bản thuộc chế độ Mật) được trao đổi trực tuyến trong nội bộ và giữa các cơ quan với nhau, tiến tới không chuyển văn bản giấy.

- Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống DVCTT mức độ 3, sẵn sàng các điều kiện cho DVC mức 4, phần đầu đến năm 2020 có tối thiểu từ 30% tỷ lệ hồ sơ



nộp trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết và tăng dần trong các năm tiếp theo.

- 100% CQNN các cấp cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử (TTĐT) theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng/Trang TTĐT của cơ quan nhà nước và Quyết định số 737/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thông tin công khai minh bạch trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Tĩnh.

- 100% bệnh viện, chi cục, trung tâm, trạm chuyên khoa cấp tỉnh, huyện, trạm y tế ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào các hoạt động quản lý, điều hành, hỗ trợ khám chữa bệnh; hoàn thành việc lập hồ sơ điện tử quản lý sức khỏe cho người dân đảm bảo chất lượng và đạt mục tiêu đến năm 2020 có 100% người dân được quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, được cấp mã ID cá nhân và quản lý thông tin sức khỏe trên cổng thông tin điện tử; liên thông dữ liệu khám chữa bệnh từ 100% cơ sở y tế trên toàn tỉnh vào hệ thống hồ sơ sức khỏe.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và giảng dạy tại các trường từ tiểu học, phổ thông, trung học chuyên nghiệp cao đẳng đến đại học; hoàn thành CSDL toàn ngành, phần đầu 100% các cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT thực hiện quản lý hành chính, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; 100% các trường học sử dụng sổ quản lý điện tử; 70% lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning).

3.5. Mỗi năm chỉ số CCHC (PARINDEX) của tỉnh xếp hạng tăng từ 1-2 bậc. Đến năm 2025, phần đầu nằm trong top 10 tỉnh, thành có PARINDEX cao nhất cả nước.

3.6. Nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện các chỉ số thành phần PCI, phần đầu đến năm 2020 chỉ số PCI của tỉnh nằm trong top 20 tỉnh thành dẫn đầu trong cả nước và đến năm 2025 nằm trong top 15 tỉnh, thành có PCI cao nhất cả nước. Phần đầu một số chỉ tiêu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cơ bản đạt và vượt yêu cầu của Nghị quyết 19/2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Cải cách tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế**

1.1. Tổ chức phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan (Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; Kế hoạch số 07-KH/TW; Nghị quyết số 56/2017/QH14; các Nghị quyết của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18 và Nghị quyết số 19 của Trung ương, Chương trình hành động số 920-CTr/TU, Chương trình hành động số 1011-CTr/TU, Kế hoạch số 178/KH-UBND) để cán bộ, đảng viên hiểu rõ, nhận thức đầy đủ và quyết tâm hành động, nhất là người đứng đầu trong việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính

trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời tuyên truyền rộng rãi trong Nhân dân, tạo đồng thuận trong xã hội về triển khai, thực hiện nội dung này.

1.2. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp.

1.3. Các đơn vị, địa phương tập trung xây dựng các đề án thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 4/6/2018 của UBND tỉnh

1.3.1. Sắp xếp các tổ chức hành chính cấp tỉnh

1.3.2. Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc các sở, ban, ngành

1.3.3. Sắp xếp các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện

1.3.4. Sắp xếp tổ chức bộ máy các hội đặc thù cấp tỉnh, các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

1.4. Các nhiệm vụ, giải pháp về sắp xếp, bố trí biên chế.

2. Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng làm việc chuyên nghiệp, tận tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển của tỉnh.

2.1. Nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với khung năng lực.

2.2. Nhiệm vụ, giải pháp đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp về sử dụng, quản lý, đánh giá CBCCVC

2.4. Nhiệm vụ, giải pháp về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm CBCC

2.5. Nhiệm vụ, giải pháp về cải cách chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội cho CBCCVC.

2.6. Nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi vị trí công tác, kỷ luật kỷ cương

2.7. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện về tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, gắn giải quyết chính sách cho đội ngũ CBCCVC theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và chính sách riêng của tỉnh.

3. Cải cách TTHC gắn với thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền.

3.1. Nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện kiểm soát TTHC

3.2. Nhiệm vụ, giải pháp rà soát, đơn giản hóa tối đa TTHC, phân kỳ giải quyết TTHC và công bố, công khai TTHC

3.3. Nhiệm vụ, giải pháp về tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính.

3.4. Nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

3.5. Nhiệm vụ, giải pháp về đo lường sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước.

4. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, quy trình xử lý công việc, giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa cán bộ, công chức, viên chức với nhau và với tổ chức, doanh nghiệp, người dân, góp phần xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh, từng bước xây dựng công dân điện tử.

4.1. Nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, quản lý, điều hành và tác nghiệp trực tuyến

4.2. Nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng minh bạch thông tin hoạt động của cơ quan nhà nước

4.3. Nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp

4.4. Nhiệm vụ, giải pháp về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh.

5. Thường xuyên đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá về CCHC như đã xác định.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước
2. Kinh phí từ nguồn huy động hợp pháp khác

### **IV. HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CỦA ĐỀ ÁN**

1. Hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước.
2. Hiệu quả về kinh tế, xã hội.

## **Phần Thứ Ba**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các sở, ban, ngành, địa phương trong công tác triển khai thực hiện Đề án; công tác hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả triển khai, thực hiện các nội dung của Đề án.

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ
2. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh
3. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

4. Trách nhiệm của Sở Tài chính
5. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông; BCD CNTT của tỉnh
6. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ
7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư
8. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo
9. Trách nhiệm của Sở Y tế
10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương
11. Trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh
12. Trách nhiệm của các đoàn thể cấp tỉnh (có đơn vị sự nghiệp do UBND tỉnh giao biên chế)
13. Trách nhiệm các tổ chức hội đặc thù cấp tỉnh
14. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã

## II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nghiên cứu ban hành Nghị quyết chuyên đề để tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đề án này trong toàn hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

2. Đề nghị Chính phủ, Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với chủ trương mới của Đảng để tỉnh có căn cứ triển khai, thực hiện có hiệu quả các nội dung được nêu trong Đề án../.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN <sup>18/12</sup>  
 DÂN CHỦ TỊCH



**Đặng Quốc Khánh**